

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Ngôn ngữ Anh Mã số: 7220201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Ngữ dụng học	1.2. Tên tiếng Anh: Pragmatics
1.3. Mã học phần:	1.4. Số tín chỉ: 03
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	35 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	10 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	Lê Thị Hằng
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Hoàng Hoa Ngọc Lan, Phạm Thị Hà, Nguyễn Thị Lệ Hằng
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Học phần ngôn ngữ học được triển khai giảng dạy sau khi sinh viên học xong các học phần kỹ năng thực hành tiếng B2.2.
- Học phần học trước:	Các học phần Kỹ năng thực hành tiếng C1.2
- Học phần song hành:	

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần giúp sinh viên có những hiểu biết sâu sắc hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh thực tế. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể áp dụng được các kiến thức ngữ dụng để phát triển năng lực ngôn ngữ vào các ngữ cảnh cụ thể.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Về kiến thức:

Sinh viên hiểu được mục đích và nội dung của môn học, áp dụng được những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học để giao tiếp tiếng Anh một cách thành công trong các ngữ cảnh cụ thể; cách diễn giải và suy luận các nghĩa tiềm ẩn và nghĩa hàm ý từ tình huống, ngữ cảnh văn hóa - xã hội và khoảng cách giao tiếp, nắm được các nguyên tắc cộng tác và cấu trúc được ưa chuộng; cách giữ phép lịch

CLO 1	I	I	I	R	R	R	R	R	I	I	I	I
CLO 2	I	I	I	R	R	R	R	R	I	I	I	I
CLO 3	I	I	I	R	R	R	R	R	I	I	I	I
CLO 4	I	I	I	R	R	R	R	R	I	I	I	I
CLO 5	I	I	I	R	R	R	R	R	I	I	I	I
CLO 6										R	R	R
CLO 7										R	R	R

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá/Thời gian đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	15%	Xuyên suốt học phần		X	CLO 7-8	Sử dụng rubric 1
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	35%	A2.1. Tuần 5 (Bài 3)	30%		CLO 1-3, 7,8	A2.1. Chấm bài tự luận, các ý trong câu trả lời được đánh giá không lớn hơn 1 điểm
		A2.2. Tuần 10 (Bài 6)	30%		CLO 3-5, 7,8	A2.2. Trắc nghiệm
		A2.3. Tuần 15 (Bài 9)	40%		CLO 5-8	A2.3. Trắc nghiệm kèm tự luận, các ý trong câu trả lời được đánh giá không lớn hơn 1 điểm
A3. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài kiểm tra cuối kỳ			CLO1-8	A3. Trắc nghiệm kèm tự luận

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/ buổi)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	UNIT 1: INTRODUCTION 1.1. Definition of pragmatics 1.2. Semantics, syntax, and pragmatics 1.3 Regularity	2	Kết thúc bài học sinh viên có thể hiểu được mục đích và nội dung của môn học.	<i>CLO1</i>	- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên.	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới;	A1
2	UNIT 2: DEIXIS AND DISTANCE 2.1. Personal deixis 2.2. Spatial deixis 2.3. Temporal deixis 2.4. Deixis and grammar	5	Kết thúc bài học sinh viên có thể nhận diện người hoặc vật được quy chiếu, ảnh hưởng của không gian, thời gian và khoảng cách giao tiếp.	<i>CLO2</i>	- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học; - PP brainstorming; - PP dạy học tương tác theo cặp, nhóm; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy	Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi tham gia các hoạt động học tại lớp - Phần chuẩn bị trên lớp:	A1

					sinh viên	Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động dạy học do giảng viên hướng dẫn, triển khai.	
3	UNIT 3: REFERENCE AND INFERENCE 3.1. Referential and attributive uses 3.2. Names and referents 3.3. The role of co-text 3.4. Anaphoric reference	4	Kết thúc bài học sinh viên có thể nhận diện người hoặc vật được quy chiếu, ảnh hưởng của không gian, thời gian và khoảng cách giao tiếp.	<i>CLO2</i>	- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học; - PP brainstorming; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên		A1
4	UNIT4: PRESUPPOSITION AND ENTAILMENT 4.1 Presupposition 4.2 Types of presupposition 4.3 The projection problem 4.4 Ordered entailments FORMATIVE ASSESSMENT	6	Kết thúc bài học sinh viên có thể diễn giải và suy luận được tiền giả định và dẫn ý.	<i>CLO3</i>	- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên		A1
5	UNIT 5: COOPERATION AND IMPLICATURE 5.1. The cooperative principle 5.2. Hedges 5.3. Conversational implicature	6	Kết thúc bài học sinh viên có thể diễn giải và suy luận nghĩa tiềm ẩn và nghĩa hàm ý.	<i>CLO3</i>	- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học; - PP brainstorming; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên	A2.1	
							A1

	5.4. Generalized Conversational implicatures 5.5. Scalar implicatures 5.6. Particular conversational implicatures 5.7. Conventional implicatures					
6	UNIT 6: SPEECH ACTS AND EVENTS Speech acts 6.1. IFIDs 6.2. Felicity conditions 6.3. The performative hypothesis 6.4. Speech act classification 6.5. Direct and indirect speech acts 6.6. Speech events FORMATIVE ASSESSMENT	7	Kết thúc bài học, sinh viên có thể hiểu được mục đích và hiệu lực của hành động nói.	<i>CLO4</i>	- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học; - PP brainstorming; - PP dạy học tương tác theo cặp, nhóm; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên	A1 A2.2
7	UNIT 7: POLITENESS AND INTERACTION 7.1. Politeness 7.2. Face wants	6	Kết thúc bài học, sinh viên có thể biết được cách giữ phép lịch sự và thể diện cho cả người nói và người nghe trong quá trình tương tác.	<i>CLO5</i>	- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học; - PP brainstorming;	A1

	7.3. Negative and positive face 7.4. Self and other: say nothing 7.5. Say something: off and on record 7.6. Negative and positive politeness 7.7. Strategies 7.8. Pre-sequences				- PP dạy học tương tác theo cặp, nhóm; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên	
8	UNIT 8: CONVERSATION AND PREFERENCE STRUCTURE 8.1. Conversation analysis 8.2. Pauses, overlaps, and backchannel 8.3. Conversational styles 8.4. Adjacency pairs 8.5. Preference structure	6	Kết thúc bài học, sinh viên có thể hiểu được các nguyên tắc cộng tác và cấu trúc được ưa chuộng.	<i>CLO4</i>	- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên	A1
9	UNIT 9: DISCOURSE AND CULTURE 9.1. Discourse analysis 9.2. Coherence 9.3. Background knowledge 9.4. Cultural Schemata 9.5. Cross-cultural pragmatics FORMATIVE ASSESSMENT	3	Kết thúc bài học, sinh viên có thể hiểu được sơ lược về diễn ngôn và yếu tố văn hóa và liên văn hoá trong diễn ngôn.	<i>CLO6-8</i>	- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên	A1 A2.3
Theo	Kiểm tra cuối kì			<i>CLO1-</i>		A3

lịch thi				8			
----------	--	--	--	---	--	--	--

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	George Yule	1997	Pragmatics	Oxford university press
2	George Yule	1997	Dụng học	National university Hanoi press
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Levinson, C. Stephen & Catherine Waltr,	1983	Pragmatics	Cambridge university press
2	Michael Swan	1997	How English works - A Grammar Practice Book	Oxford university press
3	G. Telemans	1998-1999	Pragmatics	Nati National university Hanoi press
4	H.G. Widdowson	2009	Linguistics	Oxford university press

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp	Projector, loa, màn hình máy chiếu	01	Tất cả các bài học

9. Rubric đánh

a. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check) Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Quảng Bình, ngày 16 tháng 10 năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Đình Hùng

TS. Lê Thị Hằng

TS. Lê Thị Hằng